

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2021/HNGĐ- ST

Ngày: 22-9-2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thanh Nguyên

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An G tham gia phiên tòa: Ông Chau PhoLy- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 10, khóm B, thị trấn C, huyện Tri Tôn, tỉnh An G (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc G, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 10, ấp A, xã L, huyện Tri Tôn, tỉnh An G (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 09-4-2021 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Lê Ngọc G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn vào ngày 07-11-2003, quá trình chung sống, hạnh phúc được một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính bà N cho rằng, giữa bà và ông G thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông G thường xuyên nhậu nhẹt kiếm chuyện vô cớ, nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, có người phụ nữ khác bên ngoài, bà cố gắng nhẫn nhịn, nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng

nhưng ông G vẫn không thay đổi. Đến nay các con đã lớn, bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng ông G, bà và ông G đã ly thân nhau được một thời gian. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục bà Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Ngọc G.

Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Thị Trúc L, sinh ngày 11-6-1995; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20-10-1997; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 15-5-1999; Lê Ngọc S, sinh ngày 07-2-2005. Hiện nay Lê Thị Trúc L; Lê Thị Ngọc T; Lê Thị Ngọc T đã trưởng thành và sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Lê Ngọc S theo nguyện vọng của con muốn sống với ai người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Lê Ngọc G trình bày: Ông thừa nhận tình trạng hôn nhân như bà Nguyễn Thị N trình bày, ông và bà N tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1994, có đăng ký kết hôn vào năm 2003. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn. Nay bà N xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương bà N.

Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Thị Trúc L, sinh ngày 11-6-1995; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20-10-1997; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 15-5-1999; Lê Ngọc S, sinh ngày 07-2-2005. Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Lê Ngọc Sơn muốn được sống cùng cha là ông Lê Ngọc G sau khi cha mẹ ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không thành

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Ngọc G; về con chung: Các cháu Lê Thị Trúc L; Lê Thị Ngọc T; Lê Thị Ngọc T, đã trưởng thành và sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Lê Ngọc Sơn theo nguyện vọng của con muốn sống với ai người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Ngọc G xin xét xử vắng mặt. Theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án ông G không đồng ý ly hôn; về con chung: Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết con chung; tài sản chung; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai bà Nguyễn Thị N, giữa bà và ông G có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do ông G nhậu nhẹt và có người phụ nữ khác bên ngoài, nên bà N xin ly hôn. Theo lời khai của ông G ông thừa nhận có nhậu nhẹt, cự cãi, khoảng 7,8 năm về trước ông có người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng hiện nay không có. Nay bà N xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 25-6-2021 tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông G có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông G có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần, còn có quan hệ với người phụ nữ khác và mâu thuẫn xảy ra thời gian dài.

Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Thị Trúc L, sinh ngày 11-6-1995; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20-10-1997; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 15-5-1999; Lê Ngọc S, sinh ngày 07-2-2005, hiện đã trưởng thành và sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Lê Ngọc S theo nguyện vọng của con muốn sống với ông G nên giao cháu Sơn cho ông G tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy bà N xin ly hôn với ông G là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Ngọc G cư trú tại ấp An Ninh, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An G, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Ngọc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ ông G xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Lê Ngọc G.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông G được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng, bà N và ông G, hạnh phúc được một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn và đã nhiều lần hàn gắn, nhưng không thành. Nay bà Nguyễn Thị N xin ly hôn với ông Lê Ngọc G

Theo biên bản xác minh ngày 25-6-2021 tại ban ấp An Ninh, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An G được biết cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Ngọc G có xảy ra mâu thuẫn, ông G có người phụ nữ khác bên ngoài, nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn giữa bà N và ông G đã xảy một thời gian dài.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông G sau kết hôn về chung sống vợ chồng được một thời gian giữa ông, bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, giữa bà N và ông G không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình.

Bà N đã nhiều lần cho ông G cơ hội hàn gắn, nhưng ông G không thay đổi. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông G rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Ngọc G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Thị Trúc L, sinh ngày 11-6-1995; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 20-10-1997; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 15-5-1999; Lê Ngọc S, sinh ngày 07-2-2005. Hiện nay Lê Thị Trúc L; Lê Thị Ngọc T; Lê Thị Ngọc T, đã trưởng thành và sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Riêng cháu Lê Ngọc Sơn có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thị N, sau khi cha mẹ ly hôn. Nhận thấy quá trình tố tụng ông Lê Ngọc G và bà Nguyễn Thị N không tranh chấp về con chung, tùy nguyện vọng của cháu Sơn. Nguyện vọng của cháu Sơn muốn sống cùng cha là ông Lê Ngọc G, do vậy nhằm đảm bảo điều kiện sống cho cháu cũng như không làm thay đổi môi trường sống đối với cháu Sơn. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Ngọc Sơn cho ông Lê Ngọc G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Sơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Ngọc G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 195, ngày 07 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Giao cháu Lê Ngọc Sơn, sinh ngày 07-02-2005 cho ông Lê Ngọc G tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0002294 ngày 11 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An G;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã Lương Phi
huyện Tri Tôn, tỉnh An G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan